

Số: 56/TSC

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 của Công ty như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

- Mã chứng khoán: TSJ
- Địa chỉ: Số 273 Phố Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (024) 3726 2626 Fax: (024) 3726 2571
- Email: tchc.toserco@gmail.com Website: www.hanoitoserco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2022:
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 20/03/2023 tại đường dẫn: <http://hanoitoserco.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2022 đã kiểm toán.

Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Hà



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thông tin Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số

0100107155

ngày 15 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 15 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh năm lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107155 ngày 12 tháng 3 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Chung
Bà Nguyễn Thị Nga
Bà Lê Thanh Hà
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang
Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Kim Hà
Ông Trịnh Minh Tú
Bà Vũ Hoài Châu

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trần Xuân Sơn
Bà Nguyễn Thị Hiền
Ông Nguyễn Thanh Tuyền

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 273 Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**


Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00086-23-1



Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2023-007-1

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		498.790.422.627	487.103.342.017
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	22.968.222.546	23.351.702.549
Tiền	111		21.400.222.546	12.351.702.549
Các khoản tương đương tiền	112		1.568.000.000	11.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		446.045.000.000	443.913.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	446.045.000.000	443.913.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.154.199.054	19.228.453.636
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.724.644.900	4.056.092.776
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	399.163.115	83.180.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	17.078.307.061	15.137.095.982
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(47.916.022)	(47.916.022)
Hàng tồn kho	140		381.272.505	363.818.141
Hàng tồn kho	141		381.272.505	363.818.141
Tài sản ngắn hạn khác	150		241.728.522	246.367.691
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		241.698.522	246.367.691
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	30.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	200		336.475.203.042	338.561.228.714
Các khoản phải thu dài hạn	210		239.702.250	239.702.250
Phải thu dài hạn khác	216		239.702.250	239.702.250
Tài sản cố định	220		4.860.864.699	5.323.338.911
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.860.864.699	5.323.338.911
Nguyên giá	222		24.999.707.915	24.999.707.915
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.138.843.216)	(19.676.369.004)
Bất động sản đầu tư	230	11	41.944.019.793	44.268.809.541
Nguyên giá	231		75.236.709.739	75.236.709.739
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(33.292.689.946)	(30.967.900.198)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		287.377.892.957	287.454.957.885
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	6(b)	285.774.104.867	285.774.104.867
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	1.872.600.730	1.872.600.730
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(268.812.640)	(191.747.712)
Tài sản dài hạn khác	260		2.052.723.343	1.274.420.127
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.052.723.343	1.274.420.127
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			835.265.625.669	825.664.570.731

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		32.906.750.271	25.325.593.854
Nợ ngắn hạn	310		25.128.138.937	18.320.133.834
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.273.313.851	466.749.483
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	194.511.896	217.335.400
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.689.308.981	1.131.886.351
Phải trả người lao động	314		2.586.849.608	716.025.691
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.107.178.158	1.646.315.495
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	4.300.778.214	3.376.814.266
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	10.070.335.019	8.271.024.785
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.905.863.210	2.493.982.363
Nợ dài hạn	330		7.778.611.334	7.005.460.020
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	7.778.611.334	7.005.460.020
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		802.358.875.398	800.338.976.877
Vốn chủ sở hữu	410	19	802.358.875.398	800.338.976.877
Vốn cổ phần	411	20	748.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		748.000.000.000	748.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.231.896.222	1.231.896.222
Cổ phiếu quỹ	415		(34.320.000)	(34.320.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	22.668.122.483	20.554.504.503
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.493.176.693	30.586.896.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	1.909.543.997
- LNST năm nay	421b		30.493.176.693	28.677.352.155
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)			835.265.625.669	825.664.570.731

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Dương Thị Như
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	129.392.890.376	63.105.071.048
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	205.802.121	1.304.562.270
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	129.187.088.255	61.800.508.778
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	101.197.920.439	36.698.131.232
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		27.989.167.816	25.102.377.546
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	25.823.589.013	24.861.603.063
Chi phí tài chính	22		77.261.652	1.699.855.078
Chi phí bán hàng	25	27	6.674.889.517	4.411.681.062
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	8.517.703.900	10.394.680.121
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		38.542.901.760	33.457.764.348
Thu nhập khác	31		117.395.477	15.667.004
Chi phí khác	32		70.063.048	26.204.837
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		47.332.429	(10.537.833)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		38.590.234.189	33.447.226.515
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	8.097.057.496	4.769.874.360
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		30.493.176.693	28.677.352.155
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	408	383

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Dương Thị Như
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		38.590.234.189	33.447.226.515
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.787.263.960	2.792.773.788
Các khoản dự phòng	03		77.064.928	239.663.734
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.712.553.112)	1.407.738.117
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(23.095.495.138)	(24.847.165.330)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.646.514.827	13.040.236.824
Biến động các khoản phải thu	09		(8.347.788.344)	837.552.531
Biến động hàng tồn kho	10		(17.454.364)	(24.976.380)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		4.753.091.433	(904.168.012)
Biến động chi phí trả trước	12		(773.634.047)	1.486.051.254
			11.260.729.505	14.434.696.217
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.695.530.684)	(4.751.675.233)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.878.600.000)	(3.585.671.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.686.598.821	6.097.349.174
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền gửi có kỳ hạn	23		(548.915.000.000)	(363.573.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24		548.943.000.000	408.293.497.316
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		21.548.205.664	37.899.178.725
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.576.205.664	82.619.676.041

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(26.168.140.000)	(82.265.978.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.168.140.000)	(82.265.978.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(905.335.515)	6.451.046.515
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		23.351.702.549	16.905.354.151
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		521.855.512	(4.698.117)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	22.968.222.546	23.351.702.549

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



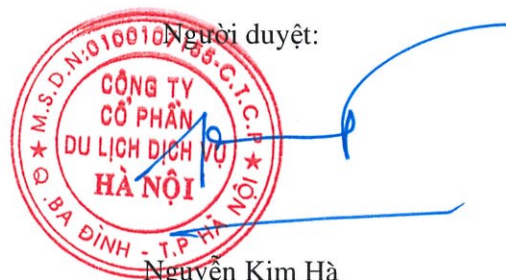
Dương Thị Như
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa;
- Kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước;
- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ;
- Các loại hình dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; và
- May đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 3 đơn vị phụ thuộc (1/1/2022: 4 đơn vị phụ thuộc) như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
▪ Trung tâm Lữ hành	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
▪ Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác
▪ Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Đại lý vé máy bay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết (1/1/2022: 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết) như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên doanh		
Công ty liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	D8, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty TNHH Global Toserco	Số 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 73 nhân viên (1/1/2022: 73 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (cho các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (cho các khoản mục phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 năm

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 4 – 35 năm

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí địa chính

Chi phí địa chính phản ánh giá trị còn lại của khoản chi phí trả cho Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội liên quan đến dịch vụ tư vấn địa chính tại tòa nhà số 2 Núi Trúc. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí trả trước khác, chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và các chi phí khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ kế toán năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên doanh và liên kết của Công ty.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cho thuê văn phòng: kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các tổ chức và cá nhân;
- Vận hành tour du lịch: kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa và các dịch vụ liên quan; và
- Đại lý vé máy bay: kinh doanh vé máy bay.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	45.888.486.597	51.829.232.915	31.469.368.743	129.187.088.255
Kết quả kinh doanh của bộ phận	23.010.683.477	2.240.480.731	2.738.003.608	27.989.167.816
Thu nhập khác	25.152.895.276	504.221.958	283.867.256	25.940.984.490
Chi phí khác	(11.298.660.600)	(1.738.417.517)	(2.302.840.000)	(15.339.918.117)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.097.057.496)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp				30.493.176.693

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	43.660.279.686	3.235.093.404	14.905.135.688	61.800.508.778
Kết quả kinh doanh của bộ phận	23.866.552.842	136.531.195	1.099.293.509	25.102.377.546
Thu nhập khác	23.958.164.608	510.948.045	408.157.414	24.877.270.067
Chi phí khác	(14.518.446.659)	(683.008.656)	(1.330.965.783)	(16.532.421.098)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.769.874.360)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp				28.677.352.155

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	830.158.770.927	2.867.038.787	2.239.815.955	835.265.625.669
Nợ phải trả của bộ phận	29.525.211.565	1.860.753.615	1.520.785.091	32.906.750.271

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Khấu hao tài sản cố định hữu hình	462.474.212	-	-	462.474.212
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.324.789.748	-	-	2.324.789.748

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	801.119.948.059	11.832.672.251	12.711.950.421	825.664.570.731
Nợ phải trả của bộ phận	24.638.275.019	218.975.542	468.343.293	25.325.593.854

Cho năm kết thúc ngày 1 tháng 1 năm 2022

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	467.984.040	-	-	467.984.040
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.324.789.748	-	-	2.324.789.748

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	96.294.005	54.708.880
Tiền gửi ngân hàng	21.303.928.541	12.296.993.669
Các khoản tương đương tiền	1.568.000.000	11.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	22.968.222.546	23.351.702.549
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,6%/năm (1/1/2022: 3,5% đến 3,6%/năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi bằng VND hưởng lãi suất từ 5,1% đến 11,2%/năm (1/1/2022: 3,7% đến 7,3%/năm) và các khoản tiền gửi bằng USD hưởng lãi suất 0%/năm (1/1/2022: 0%/năm).

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	%	% sở hữu	% quyền biểu quyết	31/12/2022		Giá trị hợp lý VND
						Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty liên doanh, liên kết								
• Công ty TNHH Global Toserco	Hà Nội		35,00%	35,00%	35,00%	209.672.714.716	-	(*)
• Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	Hà Nội		29,58%	29,58%	29,58%	61.365.277.633	-	(*)
• Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Hà Nội		40,00%	40,00%	40,00%	14.736.112.518	268.812.640	(*)
						285.774.104.867	268.812.640	
▪ Đơn vị khác								
• Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	Hà Nội		5,20%	5,20%	5,20%	1.872.600.730	-	(*)
						287.646.705.597	268.812.640	

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2022

Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:						
▪ Công ty liên doanh, liên kết						
• Công ty TNHH Global Tosserco	Hà Nội	35,00%	35,00%	209.672.714.716	-	(*)
• Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	Hà Nội	29,58%	29,58%	61.365.277.633	-	(*)
• Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Hà Nội	40,00%	40,00%	14.736.112.518	191.747.712	(*)
				285.774.104.867	191.747.712	
▪ Đơn vị khác						
• Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	Hà Nội	5,20%	5,20%	1.872.600.730	-	(*)
				287.646.705.597	191.747.712	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá gốc các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	3.035.534.381	249.825.000
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	3.002.023.328	-
Công ty Honda Việt Nam	1.600.182.530	443.219.860
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)	1.176.665.560	-
Công ty TNHH Xuân Hương	356.916.022	356.916.022
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	229.454.280	78.282.780
Các khách hàng khác	2.323.868.799	2.927.849.114
	11.724.644.900	4.056.092.776

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Cửa công nghệ mới CNM	249.177.115	-
Công ty TNHH Công nghệ và Xây dựng Phương Đông	72.500.000	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Quốc tế Bình Minh	38.900.000	50.700.000
Công ty Cổ phần GEA Việt	31.500.000	21.000.000
Các nhà cung cấp khác	7.086.000	11.480.900
	399.163.115	83.180.900

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	10.630.479.275	9.083.189.801
Ký cược, ký quỹ	5.461.465.000	5.350.090.000
Tạm ứng cho nhân viên	266.340.000	30.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	720.022.786	673.316.181
	17.078.307.061	15.137.095.982

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm và cuối năm	5.494.086.156	17.096.963.577	2.371.258.182	37.400.000	24.999.707.915
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.025.407.238	16.727.451.113	886.110.653	37.400.000	19.676.369.004
Khấu hao trong năm	181.293.156	44.055.236	237.125.820	-	462.474.212
Số dư cuối năm	2.206.700.394	16.771.506.349	1.123.236.473	37.400.000	20.138.843.216
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	3.468.678.918	369.512.464	1.485.147.529	-	5.323.338.911
Số dư cuối năm	3.287.385.762	325.457.228	1.248.021.709	-	4.860.864.699

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 16.580.819.940 VND (1/1/2022: 16.044.727.455 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11.8 / 0 - 0.8

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	75.236.709.739
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	30.967.900.198
Khấu hao trong năm	2.324.789.748
Số dư cuối năm	33.292.689.946
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	44.268.809.541
Số dư cuối năm	41.944.019.793

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.032.166.459 VND (1/1/2022: 2.032.166.459 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí địa chính VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	783.448.698	490.971.429	1.274.420.127
Tăng trong năm	-	1.390.785.642	1.390.785.642
Phân bổ trong năm	(36.158.880)	(576.323.546)	(612.482.426)
Số dư cuối năm	747.289.818	1.305.433.525	2.052.723.343

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Ngọc Trúc	468.250.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quà tặng XMAX	149.688.000	-
Công ty Điện lực Ba Đình	124.783.931	71.278.284
IATA Vietnam Company Limited	85.205.250	26.786.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đất Việt	55.317.600	56.342.000
Công ty TNHH Hoàn Mỹ	48.038.400	47.828.000
Công ty Cổ phần Đầu tư FLT	-	230.675.500
Các nhà cung cấp khác	342.030.670	33.839.699
	1.273.313.851	466.749.483

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	116.175.813	-
International Study Programs, s.r.o	44.500.800	50.700.000
Công ty Cổ phần Colas Rail – Thầu chính gói thầu HPLML – CP06	33.626.000	-
Công ty TNHH Đức Nhân	-	40.320.000
Khác	209.283	126.315.400
	194.511.896	217.335.400

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	124.281.512	8.895.241.211	(8.754.458.955)	265.063.768
Thuế thu nhập doanh nghiệp	989.530.684	8.097.057.496	(5.695.530.684)	3.391.057.496
Thuế thu nhập cá nhân	18.074.155	601.962.647	(586.849.085)	33.187.717
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.640.838.094	(6.640.868.094)	(30.000)
Các loại thuế khác	-	16.000.000	(16.000.000)	-
	1.131.886.351	24.251.099.448	(21.693.706.818)	3.689.278.981
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			30.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.131.886.351			3.689.308.981

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lương phải trả	636.896.087	1.209.458.000
Chi phí phải trả khác	470.282.071	436.857.495
	1.107.178.158	1.646.315.495

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh số tiền các khách hàng đã trả trước tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Cổ tức phải trả	101.556.301	90.606.301
Lãi phải trả cho các nhà đầu tư cổ phần hóa (*)	4.218.116.684	4.218.116.684
Nhận ký quỹ, ký cược	3.844.595.454	2.876.990.858
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.059.607.947	992.607.947
Phải trả ngắn hạn khác	846.458.633	92.702.995
	10.070.335.019	8.271.024.785

(*) Ngày 11 tháng 3 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết về chi trả tiền lãi với lãi suất 8,1%/năm cho các nhà đầu tư mua cổ phần của Công ty trong thời gian Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp kéo dài trên ba tháng kể từ ngày hết hạn nộp tiền mua cổ phần.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược	7.778.611.334	7.005.460.020
	7.778.611.334	7.005.460.020

Phải trả dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc dài hạn từ các khách hàng thuê văn phòng của Công ty.



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	12.967.669.701	96.254.924.366	858.420.170.289
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	28.677.352.155	28.677.352.155
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.586.834.802	(7.586.834.802)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.358.634.509)	(2.358.634.509)
Trích Quỹ thưởng Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.122.771.058)	(2.122.771.058)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(82.277.140.000)	(82.277.140.000)
Số dư tại ngày 1/1/2022	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	20.554.504.503	30.586.896.152	800.338.976.877
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	30.493.176.693	30.493.176.693
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.113.617.980	(2.113.617.980)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.290.480.847)	(1.290.480.847)
Trích Quỹ thưởng Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.003.707.325)	(1.003.707.325)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(26.179.090.000)	(26.179.090.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	22.668.122.483	30.493.176.693	802.358.875.398

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	74.800.000	748.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	74.800.000	748.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(2.600)	(34.320.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	74.797.400	747.974.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 26.179.090.000 VND (2021: 82.277.140.000 VND).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.758.850	87.806.727.357	3.779.093	85.561.656.691
EUR	245	6.095.257	256	6.509.316
		<u>87.812.822.614</u>		<u>85.568.166.007</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022	2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu cho thuê văn phòng	46.094.288.718	44.964.841.956
▪ Doanh thu vận hành tour du lịch	51.829.232.915	3.235.093.404
▪ Doanh thu từ đại lý vé máy bay	31.469.368.743	14.905.135.688
	129.392.890.376	63.105.071.048
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(205.802.121)	(1.304.562.270)
Doanh thu thuần	129.187.088.255	61.800.508.778

25. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	2022	2021
	VND	VND
Giá vốn cho thuê văn phòng	22.877.803.120	19.793.726.844
Giá vốn vận hành tour du lịch	49.588.752.184	3.098.562.209
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	28.731.365.135	13.805.842.179
	101.197.920.439	36.698.131.232

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	22.903.858.033	24.765.005.330
Cổ tức, lợi nhuận được chia	191.637.105	82.160.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.540.763	14.437.733
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.712.553.112	-
	25.823.589.013	24.861.603.063

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	5.967.956.952	3.893.840.748
Chi phí khấu hao	16.798.164	16.798.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.874.155	187.262.523
Chi phí bằng tiền khác	458.260.246	313.779.627
	<hr/>	<hr/>
	6.674.889.517	4.411.681.062
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	6.754.482.195	6.935.155.839
Chi phí khấu hao	401.620.812	401.620.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	710.131.546	716.255.200
Chi phí khác	651.469.347	2.341.648.270
	<hr/>	<hr/>
	8.517.703.900	10.394.680.121
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	537.709.310	329.344.325
Chi phí nhân viên	16.372.600.439	14.502.146.978
Chi phí khấu hao	2.787.263.960	2.792.773.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.792.716.278	31.179.634.629
Chi phí khác	2.944.222.949	2.700.592.695
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	8.097.057.496	4.769.874.360

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.590.234.189	33.447.226.515
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.718.046.838	6.689.445.303
Ảnh hưởng do thu nhập không bị tính thuế	(38.327.421)	(16.432.000)
Ảnh hưởng do chi phí không được khấu trừ thuế	153.940.477	170.336.602
Ảnh hưởng do biến động các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	263.397.602	(29.243.677)
Giảm trừ thuế (*)	-	(2.044.231.868)
Chi phí thuế hiện hành	8.097.057.496	4.769.874.360

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(*) Theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2021, tổng doanh thu của Công ty trong năm ít hơn 200 tỷ VND và do đó, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập hiện hành cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và không áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 30.493.176.693 VND (2021: 28.677.352.155 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 74.797.400 cổ phiếu (2021: 74.797.400 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm 2022. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel		
Cung cấp dịch vụ	807.158.334	1.390.908
Mua hàng hóa	45.909.259	54.347.818
Công ty TNHH Global Toserco		
Cung cấp dịch vụ	-	36.636.364
Công ty Cổ Phần Hanoitourist Taxi		
Cổ tức	191.637.105	82.160.000
<hr/>		
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
	2022 VND	2021 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Minh Chung – Chủ tịch		
Lương, thưởng và thù lao	355.432.737	487.796.008
Bà Nguyễn Thị Nga – Phó Chủ tịch		
Lương, thưởng và thù lao	276.324.554	375.597.006
Ông Lê Minh Thành – Phó Chủ tịch		
Lương, thưởng và thù lao	39.105.480	266.397.006
<hr/>		

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2022	2021
	VND	VND
Ông Trần Ngọc Tiến – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	26.070.320	234.197.339
Bà Lê Thanh Hà – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	210.216.370	276.398.004
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	210.216.370	276.398.004
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	26.070.320	185.398.004
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	184.146.050	91.000.000
Ban Tổng Giám đốc Ông Nguyễn Kim Hà – Tổng Giám đốc Lương và thưởng	885.176.370	902.572.550
Ông Trịnh Minh Tú – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	500.973.096	529.809.311
Bà Vũ Hoài Châu – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	458.733.096	481.640.288
Thành viên Ban Kiểm soát Ông Trần Xuân Sơn - Trưởng ban Lương, thưởng và thù lao	441.173.096	494.118.403
Bà Nguyễn Thị Hiền - Thành viên Lương, thưởng và thù lao	105.108.185	138.199.002
Bà Đào Thị Hiền - Thành viên Lương, thưởng và thù lao	13.035.160	92.699.002
Ông Nguyễn Thanh Tuyên - Thành viên Lương, thưởng và thù lao	92.073.025	45.500.000

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Dương Thị Như
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc